

Công ty Du lịch Việt Nam đóng tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. — Tổng Công ty Du lịch Việt Nam chịu sự quản lý Nhà nước trực tiếp của Bộ Văn hóa — Thông tin — Thể thao và Du lịch và chịu sự quản lý Nhà nước của các Bộ, Ủy ban Nhà nước khác về những vấn đề có liên quan theo quy định của luật pháp hiện hành.

Điều 3. — Bộ trưởng Bộ Văn hóa — Thông tin — Thể thao và Du lịch quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và bộ máy của Tổng Công ty Du lịch Việt Nam.

Điều 4. — Bộ trưởng Bộ Văn hóa — Thông tin — Thể thao và Du lịch, Thủ trưởng các Bộ, Ủy ban Nhà nước có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K. T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 130-HDBT ngày 30-4-1990 quy định chức năng, nhiệm vụ và bộ máy của Bộ Công nghiệp nặng.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ quyết định số 244-NQ/HĐNN8 ngày 31 tháng 3 năm 1990 của Hội đồng Nhà nước về việc thành lập, đổi tên một số Bộ, Ủy ban Nhà nước và phê chuẩn việc giải thể một số Tổng cục,

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1. — Bộ Công nghiệp nặng là cơ quan của Hội đồng Bộ trưởng có chức năng quản lý Nhà nước đối với các ngành: Cơ khí luyện kim, Điện tử, Mỏ, địa chất, Dầu khí và hóa chất.

Phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công nghiệp nặng đối với các ngành nói trên là thống nhất trên toàn quốc bao gồm hoạt động theo ngành (do Bộ Quản lý) của mọi cơ quan, tổ chức thuộc các thành phần kinh tế, của công dân và hoạt động của tổ chức và người nước ngoài tại Việt Nam.

Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Bộ đối với các ngành do Bộ quản lý thực hiện theo quy định trong nghị định số 196-HDBT ngày 11-12-1989 của Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 2. — Cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp nặng gồm có:

a) Bộ máy giúp Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước.

- Văn phòng
- Vụ Kế hoạch
- Vụ Tài chính — kế toán
- Vụ Khoa học — kỹ thuật
- Vụ Tổ chức, nhân sự, đào tạo
- Vụ Hợp tác quốc tế
- Vụ Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản

— Thanh tra công nghiệp nặng.

Chuyên Cục Quản lý tài nguyên, khoáng sản Nhà nước trực đặt trực thuộc Tổng cục Mỏ — Địa chất nay trực thuộc Bộ Công nghiệp nặng.

b) Thành lập Cục Địa chất Việt Nam trực thuộc Bộ Công nghiệp nặng. Cục Địa chất là đơn vị sự nghiệp kinh tế — khoa học kỹ thuật đảm nhiệm các công tác nghiên cứu và điều tra cơ bản về địa chất và tài nguyên khoáng sản theo kế hoạch Nhà nước.

Các đơn vị sự nghiệp khác do Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng nghiên cứu sắp xếp lại trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

Điều 3. — Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Nghị định này.

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng có trách nhiệm dự thảo Điều lệ quy định cụ

thẻ về nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc và quan hệ công tác của Bộ và tổ chức sắp xếp lại các đơn vị sản xuất kinh tế quốc doanh trực thuộc Bộ, trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

Điều 4. — Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng, Thủ trưởng các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân, tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K. T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIẾT

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 132 - HDBT ngày 5-5-1990 về việc phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Đề thực hiện chức năng quản lý Nhà nước cho phù hợp với tình hình đô thị của nước ta hiện nay;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Tổ chức của Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Đô thị là các điểm dân cư có các yếu tố cơ bản sau đây:

1. Là trung tâm tổng hợp hay trung tâm chuyên ngành có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế — xã hội của vùng lãnh thổ nhất định.

2. Quy mô dân số nhỏ nhất là 4.000 người (vùng núi có thể thấp hơn).

3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 60 % trở lên trong tổng số lao động; là nơi sản xuất và dịch vụ thương mại hàng hóa phát triển.

4. Có cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các công trình công cộng phục vụ dân cư đô thị.

5. Mật độ dân cư được xác định theo từng loại đô thị phù hợp với đặc điểm từng vùng.

Điều 2. — Đô thị được chia thành 5 loại như sau:

1. *Đô thị loại I*: là đô thị rất lớn, trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa — xã hội, khoa học kỹ thuật, du lịch — dịch vụ, giao thông, công nghiệp, giao dịch quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển của cả nước.

— Dân số: từ 1 triệu trở lên.

— Có tỷ suất hàng hóa cao, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 90 % trở lên trong tổng số lao động.

— Có cơ sở hạ tầng kỹ thuật và mạng lưới công trình công cộng được xây dựng đồng bộ.

— Mật độ dân cư bình quân 15.000 người/km² trở lên.

2. *Đô thị loại II*: Là đô thị lớn, trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, sản xuất công nghiệp, du lịch — dịch vụ, giao thông, giao dịch quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển của một vùng lãnh thổ.

— Dân số: từ 35 vạn đến dưới 1 triệu.

— Sản xuất hàng hóa phát triển, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 90 % trở lên trong tổng số lao động.

— Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và mạng lưới công trình công cộng được xây dựng nhiều mặt tiến tới đồng bộ.

— Mật độ dân cư bình quân 12.000 người/km² trở lên.

3. *Đô thị loại 3*: Là đô thị trung bình lớn, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, là nơi sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tập trung, du lịch — dịch vụ, có vai trò thúc đẩy phát triển của một tỉnh, hoặc từng lĩnh vực đối với vùng lãnh thổ.

— Dân số: từ 10 vạn đến dưới 35 vạn (vùng núi có thể thấp hơn).